

Số: 40/2022/QĐST-DS

TT, ngày 08 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quốc B - Sinh năm: 1982;

- Bà Trần Thị T - Sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐT, xã TĐ, huyện TT, tỉnh TH.

Bị đơn:

- Bà Trịnh Thị T1 - sinh năm 1986

- Ông Lê Thế S - sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Thôn ĐT, xã TĐ, huyện TT, tỉnh TH.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nghĩa vụ trả tiền:* Vợ, chồng ông Nguyễn Quốc B, bà Trần Thị T và vợ chồng ông Lê Thế S, bà Trịnh Thị T1 thống nhất thoả thuận, đến nay (ngày 30/11/2022) vợ chồng ông S, bà T1 còn nợ vợ chồng ông B, bà T số tiền cả tiền gốc và tiền lãi là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

- *Phương thức và thời gian trả nợ như sau:* Ông Nguyễn Quốc B, bà Trần Thị T và ông Lê Thế S, bà Trịnh Thị T1 thống nhất thoả thuận:

+ Ngày 30/12/2022, ông S, bà T1 trả cho ông B, bà T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 30/01/2023, ông S, bà T1 trả cho ông B, bà T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 30/4/2023, ông S, bà T1 trả cho ông B, bà T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Ngày 30/7/2023, ông S, bà T1 trả cho ông B, bà T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Ngày 30/11/2023, ông S, bà T1 ông B, bà T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày có nghĩa vụ trả nợ, ông B, bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông S, bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.5%/1.000.000đ/1 tháng trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Vợ, chồng ông Nguyễn Quốc B, bà Trần Thị T và vợ chồng ông Lê Thế S bà Trịnh Thị T1 thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng ông S, bà T1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 16.250.000đ (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Quốc B số tiền 17.985.000đ (Mười bảy triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007875 ngày 15/11/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn